

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 211

PHẦN I. (3.0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong không gian $Oxyz$, cho hình bình hành $OBCD$ có $B(2; 1; 2)$ và $D(1; -1; 1)$. Khi đó tọa độ của điểm C là:

- A. $(3; 0; 3)$. B. $(-1; -2; -1)$. C. $(3; -2; 3)$. D. $(1; 2; 1)$.

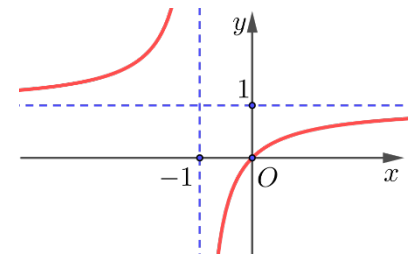
Câu 2. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên sau

| | | | | | |
|------|-----------|---|---|-----------|-----------|
| x | $-\infty$ | 1 | 3 | $+\infty$ | |
| y' | - | 0 | + | 0 | - |
| y | $+\infty$ | | 4 | | $-\infty$ |

Hàm số $y = f(x)$ đồng biến trên khoảng nào sau đây?

- A. $(1; 3)$. B. $(-\infty; 3)$. C. $(1; +\infty)$. D. $(2; 4)$.

Câu 3. Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số $y = \frac{ax + b}{cx + d}$.



Tâm đối xứng của đồ thị hàm số có tọa độ là

- A. $(-1; -1)$. B. $(1; 1)$.
C. $(1; -1)$. D. $(-1; 1)$.

Câu 4. Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên đoạn $[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]$ và có bảng biến thiên như hình vẽ.

| | | | | | | |
|---------|-------------|----|---|------------|-------------|---|
| x | $-\sqrt{3}$ | -1 | 1 | $\sqrt{5}$ | | |
| $f'(x)$ | | + | 0 | - | 0 | + |
| $f(x)$ | | | 2 | | $2\sqrt{5}$ | |

Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $\min_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = 0$. B. $\min_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = 1$. C. $\max_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = 2\sqrt{5}$. D. $\max_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = 2$.

Câu 5. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $A(-2; 3; 5)$. Tọa độ của vectơ \vec{OA} là:

- A. $(2; -3; 5)$. B. $(2; -3; -5)$. C. $(-2; -3; 5)$. D. $(-2; 3; 5)$.

Câu 6. Trong không gian $Oxyz$, cho vector $\vec{u} = (3; 0; 1)$ và $\vec{v} = (2; 1; 0)$. Tính tích vô hướng $\vec{u} \cdot \vec{v}$.

- A. $\vec{u} \cdot \vec{v} = 8$. B. $\vec{u} \cdot \vec{v} = -6$. C. $\vec{u} \cdot \vec{v} = 6$. D. $\vec{u} \cdot \vec{v} = 0$.

Câu 7. Kết quả điều tra tổng thu nhập trong năm 2022 của 100 hộ gia đình trong một địa phương được ghi lại ở bảng sau:

| | | | | | |
|----------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng thu nhập (triệu đồng) | [200; 250) | [250; 300) | [300; 350) | [350; 400) | [400; 450) |
| Số hộ gia đình | 14 | 32 | 24 | 21 | 9 |

Tìm khoảng tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm đã cho.

- A. $\frac{31825}{336}$. B. $\frac{211375}{336}$. C. $\frac{4275}{16}$. D. $\frac{7600}{21}$.

Câu 8. Cân nặng của một số quả mít trong một khu vườn được thống kê ở bảng sau

| | | | | | |
|---------------|--------|--------|---------|----------|----------|
| Cân nặng (kg) | [4; 6) | [6; 8) | [8; 10) | [10; 12) | [12; 14) |
| Số quả mít | 8 | 12 | 17 | 5 | 8 |

Hãy tính phương sai của mẫu số liệu ghép nhóm trên (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

- A. 18,04. B. 6,40. C. 8,72. D. 2,53.

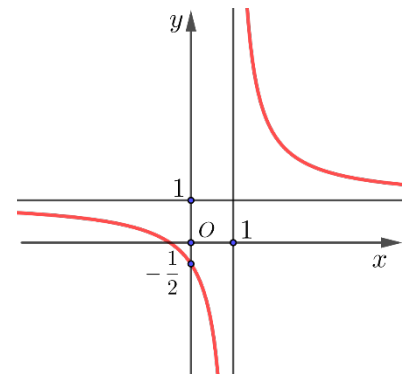
Câu 9. Trong không gian $Oxyz$, cho hai điểm $A(1; -3; 1)$, $B(3; 0; -2)$. Tính độ dài đoạn thẳng AB .

- A. 22. B. $\sqrt{22}$. C. $\sqrt{26}$. D. 26.

Câu 10. Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số $y = \frac{ax + b}{cx + d}$.

Đường tiệm cận đứng của đồ thị hàm số có phương trình là

- A. $y = 1$. B. $x = 2$.
C. $x = 1$. D. $y = 2$



Câu 11. Tìm giá trị cực đại của hàm số $y = x^3 - 3x + 2$.

- A. $y_{CD} = -1$. B. $y_{CD} = 0$.
C. $y_{CD} = 1$. D. $y_{CD} = 4$.

Câu 12. Cho ba điểm phân biệt A, C, E . Biết $\vec{a} = \vec{AE} + \vec{EC}$, tìm khẳng định đúng?

- A. $\vec{a} = \vec{EC}$. B. $\vec{a} = \vec{AC}$. C. $\vec{a} = \vec{AE}$. D. $\vec{a} = \vec{CA}$.

PHẦN II. (4.0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho hàm số $y = \frac{3x - 1}{x + 2}$ có đồ thị (C) .

- a) Đồ thị (C) có tiệm cận đứng là đường thẳng $x = 2$.
b) Đồ thị (C) có tiệm cận ngang là đường thẳng $y = 3$.
c) Đồ thị (C) có tâm đối xứng là điểm $I(3; -2)$.
d) Hàm số $y = \frac{3x - 1}{x + 2}$ đồng biến trên khoảng $(3; +\infty)$.

Câu 2. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho ΔABC có $A(1;2;1), B(5;3;4), C(8;-3;2)$. Các mệnh đề sau đúng hay sai?

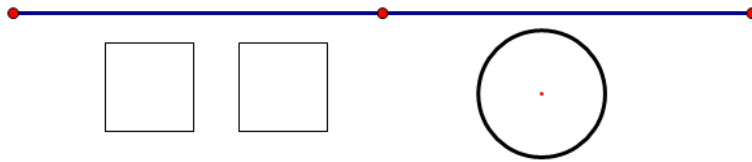
a) $\vec{AB} + \vec{BC} = \vec{CA}$.

b) $\vec{OC} = 8\vec{i} + 3\vec{j} + 2\vec{k}$.

c) $\vec{CB} = (-3;6;2)$.

d) Tọa độ trọng tâm tam giác ABC là $G\left(\frac{14}{3}; \frac{2}{3}; \frac{7}{3}\right)$.

Câu 3. Bạn An muốn tận dụng hết một sợi dây thừng dài 12dm để làm thiệp tặng bạn trong dịp Noel. An dự định cắt sợi dây thành hai đoạn, đoạn thứ I uốn thành một đường tròn, đoạn thứ II gấp thành hai hình vuông bằng nhau. Sau đó, đặt ba hình lên bìa carton để làm thiệp. Gọi S_1 là diện tích hình tròn, S_2 là diện tích hai hình vuông được tạo thành từ hai đoạn dây nêu trên (như hình vẽ dưới). Theo bạn An, để trang trí hình vuông, mỗi dm^2 mất 30 phút; để trang trí hình tròn, mỗi dm^2 mất 20 phút. Giả sử x ($0 < x < 12$) là chiều dài đoạn dây thứ I, đơn vị là dm. Mọi kết quả làm tròn 1 chữ số thập phân.



a) Tổng diện tích $S_1 + S_2$ là một hàm số $S(x)$ luôn đồng biến trên tập xác định của nó.

b) Tổng diện tích $S_1 + S_2$ là hàm số $S(x)$ có một điểm cực trị.

c) Tổng thời gian trang trí thiệp là một hàm số $T(x) = \frac{5}{\pi}x^2 + \frac{15}{32}(12-x)^2$, tính bằng phút.

d) Tổng thời gian trang trí thiệp ngắn nhất khi $x \approx 4,4$ dm.

Câu 4. Thống kê điểm kiểm tra giữa kì I môn Toán của lớp 12A trường THPT X người ta thu được kết quả sau:

| Điểm thi | [2; 3) | [3; 4) | [4; 5) | [5; 6) | [6; 7) | [7; 8) | [8; 9) | [9; 10) |
|-------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Số học sinh | 2 | 7 | 8 | 3 | 10 | 5 | 3 | 2 |

a) Khoảng biến thiên của mẫu số liệu trên là $R = 8$.

b) Điểm trung bình của mẫu số liệu trên là $\bar{x} = 5,725$.

c) Nhóm chứa tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu trên là $[3; 4)$.

d) Biết rằng điểm kiểm tra giữa kì I môn Toán của lớp 12B có phương sai là 5,32, do đó lớp 12B học đều hơn lớp 12A.

PHẦN III. (3.0 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho hàm số $f(x)$, bảng xét dấu của $f'(x)$ như sau:

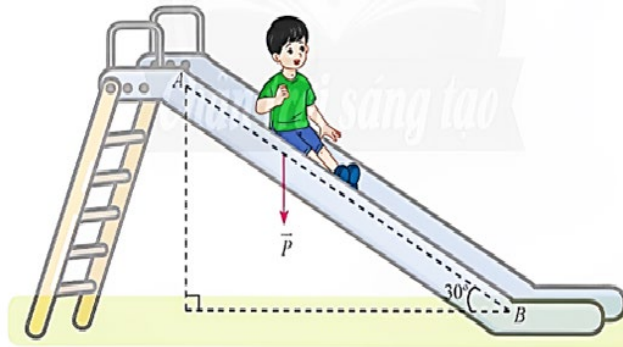
| | | | | | |
|---------|-----------|------|-----|-----|-----------|
| x | $-\infty$ | -1 | 0 | 1 | $+\infty$ |
| $f'(x)$ | $+$ | 0 | $-$ | 0 | $+$ |

Số điểm cực trị của hàm số trên là bao nhiêu?

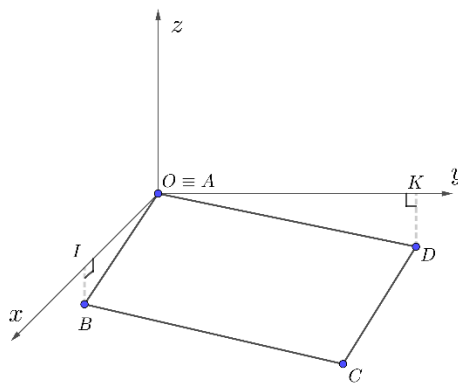
Câu 2. Người ta muốn làm một chiếc hộp hình hộp chữ nhật có đáy hình vuông và thể tích là $10l$. Diện tích toàn phần nhỏ nhất của hộp là bao nhiêu? (đơn vị là dm^2 và làm tròn kết quả đến hàng phần mười)

Câu 3. Một em bé cân nặng $m = 25$ kg trượt trên cầu thang trượt dài 3,2 mét. Biết rằng, cầu trượt có góc nghiêng so với phương nằm ngang là 30° và vectơ gia tốc rơi tự do \vec{g} được lấy độ lớn là $g = 9,8$ m/s².

Công A (J) sinh bởi một lực \vec{F} có độ dịch chuyển \vec{d} được tính bởi công thức $A = \vec{F} \cdot \vec{d}$. Hãy tính công (đơn vị J) sinh bởi trọng lực \vec{P} khi em bé trượt hết chiều dài cầu trượt.



Câu 4. Một mái nhà kho hình bình hành $ABCD$ có độ dài các cạnh lần lượt là $AB = 221$ (cm) và $AD = 313$ (cm). Để tiện việc thoát nước khi trời mưa nên mái nhà kho cần phải có độ nghiêng. Biết rằng vị trí điểm B thấp hơn vị trí điểm A với khoảng cách $BI = 21$ (cm). Vị trí điểm D thấp hơn vị trí điểm A với khoảng cách $DK = 25$ (cm). Chọn hệ trục tọa độ $Oxyz$ sao cho $A \equiv O$, $BI \perp (Oxy)$ tại I thuộc tia Ox , $DK \perp (Oxy)$ tại K thuộc tia Oy (tham khảo hình vẽ). Xác định xem vị trí điểm C thấp hơn vị trí điểm A bao nhiêu (cm)?



Câu 5: Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hai điểm $A(4; 2; 1)$, $B(-2; -1; 4)$. Biết tọa độ điểm $M(a; b; c)$ thỏa mãn đẳng thức $\vec{AM} = 2\vec{MB}$. Tính $a + b + c$.

Câu 6: Bác Nam thống kê lại đường kính thân gỗ của một số cây xoan đào 6 năm tuổi được trồng ở một lâm trường ở bảng sau:

| Đường kính (cm) | [40; 45) | [45; 50) | [50; 55) | [55; 60) | [60; 65) |
|-----------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Tần số | 5 | 20 | 18 | 7 | 3 |

Tìm khoảng biến thiên của mẫu số liệu ghép nhóm trên.

----- HẾT -----

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 212

PHẦN I. (3.0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên sau

| | | | | | | | | |
|------|-----------|---|---|-----------|---|---|--|-----------|
| x | $-\infty$ | 2 | 4 | $+\infty$ | | | | |
| y' | | - | 0 | + | 0 | - | | |
| y | $+\infty$ | | | 3 | | 5 | | $-\infty$ |

Hàm số $y = f(x)$ đồng biến trên khoảng nào sau đây?

- A. $(2; 4)$. B. $(2; +\infty)$. C. $(3; 5)$. D. $(-\infty; 4)$.

Câu 2. Trong không gian $Oxyz$, cho vectơ $\vec{u} = (-3; 0; -1)$ và $\vec{v} = (2; 1; 0)$. Tính tích vô hướng $\vec{u} \cdot \vec{v}$.

- A. $\vec{u} \cdot \vec{v} = 0$. B. $\vec{u} \cdot \vec{v} = 8$. C. $\vec{u} \cdot \vec{v} = -6$. D. $\vec{u} \cdot \vec{v} = 6$.

Câu 3. Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên đoạn $[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]$ và có bảng biến thiên như hình vẽ.

| | | | | | | | |
|---------|-------------|----|---|------------|----|---|-------------|
| x | $-\sqrt{3}$ | -1 | 1 | $\sqrt{5}$ | | | |
| $f'(x)$ | | + | 0 | - | 0 | + | |
| $f(x)$ | | | 2 | | -2 | | $2\sqrt{5}$ |

Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $\max_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = 2$. B. $\max_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = \sqrt{5}$. C. $\min_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = 0$. D. $\min_{[-\sqrt{3}; \sqrt{5}]} y = -2$.

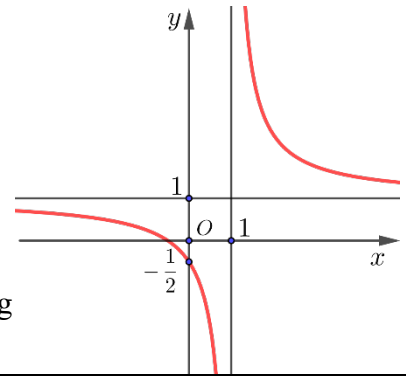
Câu 4. Trong không gian $Oxyz$, cho hình bình hành $OBCD$ có $B(2; 1; 2)$ và $D(1; 1; -1)$. Khi đó tọa độ của điểm C là:

- A. $(1; 0; 3)$. B. $(3; 2; 3)$. C. $(3; 2; 1)$. D. $(-1; 0; -3)$.

Câu 5. Trong không gian $Oxyz$, cho hai điểm $A(1; -3; 1)$, $B(3; 0; 2)$. Tính độ dài đoạn thẳng AB .

- A. $\sqrt{14}$. B. 14. C. $\sqrt{22}$. D. 22.

Câu 6. Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số $y = \frac{ax + b}{cx + d}$.



Đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số có phương trình là

A. $y = 1$. B. $y = 2$.

C. $x = 2$. D. $x = 1$.

Câu 7. Cân nặng của một số quả mít trong một khu vườn được thống kê ở bảng sau

| | | | | | |
|---------------|--------|--------|---------|----------|----------|
| Cân nặng (kg) | [4; 6) | [6; 8) | [8; 10) | [10; 12) | [12; 14) |
| Số quả mít | 12 | 13 | 12 | 6 | 7 |

Hãy tính phương sai của mẫu số liệu ghép nhóm trên (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm).

A. 8,58.

B. 7,14.

C. 2,67.

D. 8,32.

Câu 8. Tìm giá trị cực tiểu của hàm số $y = x^3 - 3x + 2$.

A. $y_{CT} = 4$.

B. $y_{CT} = 0$.

C. $y_{CT} = -1$.

D. $y_{CT} = 1$.

Câu 9. Kết quả điều tra tổng thu nhập trong năm 2022 của 100 hộ gia đình trong một địa phương được ghi lại ở bảng sau:

| | | | | | |
|----------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng thu nhập (triệu đồng) | [200; 250) | [250; 300) | [300; 350) | [350; 400) | [400; 450) |
| Số hộ gia đình | 20 | 15 | 32 | 22 | 11 |

Tìm khoảng tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm đã cho.

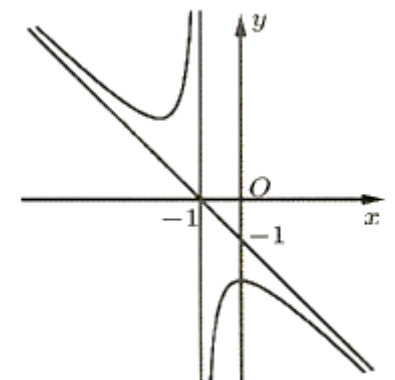
A. $\frac{20950}{33}$.

B. $\frac{4050}{11}$.

C. $\frac{3350}{33}$.

D. $\frac{800}{3}$.

Câu 10. Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số $y = \frac{ax^2 + bx + c}{dx + e}$.



Tâm đối xứng của đồ thị hàm số có tọa độ là

A. $(-1; 0)$.

B. $(0; -1)$.

C. $(1; -1)$.

D. $(-1; -1)$.

Câu 11. Trong không gian $Oxyz$, cho điểm $A(2; -3; 5)$. Tọa độ của vectơ

\vec{OA} là:

A. $(2; -3; -5)$.

B. $(2; -3; 5)$.

C. $(-2; 3; 5)$.

D. $(-2; -3; 5)$.

Câu 12. Cho ba điểm phân biệt B, D, E . Biết $\vec{a} = \vec{BE} + \vec{ED}$, tìm khẳng định đúng?

A. $\vec{a} = \vec{BE}$.

B. $\vec{a} = \vec{DB}$.

C. $\vec{a} = \vec{BD}$.

D. $\vec{a} = \vec{ED}$.

PHẦN II. (4.0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho hàm số $y = \frac{2x + 5}{x + 1}$ có đồ thị (C) .

a) Đồ thị (C) có tiệm cận đứng là đường thẳng $x = -1$.

b) Đồ thị (C) có tiệm cận ngang là đường thẳng $y = -1$.

c) Đồ thị (C) có tâm đối xứng là điểm $I(-1; 2)$.

d) Hàm số $y = \frac{2x + 5}{x + 1}$ đồng biến trên khoảng $(-1; +\infty)$.

Câu 2. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho ΔABC có $A(-1; 2; 1), B(5; 3; 4), C(8; 3; 2)$. Các mệnh đề sau đúng hay sai?

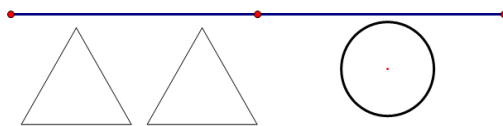
a) $\vec{AC} + \vec{CB} = \vec{BA}$.

b) $\vec{OC} = 8\vec{i} + 3\vec{j} + 2\vec{k}$.

c) $\vec{AB} = (6; 1; 3)$.

d) Tọa độ trọng tâm tam giác ABC là $G\left(4; \frac{8}{3}; \frac{7}{2}\right)$.

Câu 3. Bạn Lan muốn tận dụng hết một sợi dây thừng dài 10dm để làm thiệp tặng bạn trong dịp Noel. Lan dự định cắt sợi dây thành hai đoạn, đoạn thứ I uốn thành một đường tròn, đoạn thứ II gấp thành hai tam giác đều bằng nhau. Sau đó, đặt ba hình lên bìa carton để làm thiệp. Gọi S_1 là diện tích hình tròn, S_2 là diện tích hai tam giác đều được tạo thành từ hai đoạn dây nêu trên (như hình vẽ dưới). Theo bạn Lan, để trang trí hình tròn, mỗi dm^2 mất 12 phút; để trang trí hình tam giác đều, mỗi dm^2 mất 16 phút. Giả sử x ($0 < x < 10$) là chiều dài đoạn dây thứ I, đơn vị là dm. Mọi kết quả làm tròn 1 chữ số thập phân.



a) Tổng diện tích $S_1 + S_2$ là một hàm số $S(x)$ luôn nghịch biến trên tập xác định của nó.

b) Tổng diện tích $S_1 + S_2$ là một hàm số $S(x)$ có hai điểm cực trị.

c) Tổng thời gian trang trí thiệp là hàm số $T(x) = \frac{3}{\pi}x^2 + \frac{2\sqrt{3}}{9}(10 - x)^2$, tính bằng phút.

d) Tổng thời gian trang trí thiệp ngắn nhất khi $x \approx 2,5$ dm.

Câu 4. Thống kê điểm kiểm tra giữa kì I môn Toán của lớp 12A trường THPT X người ta thu được kết quả sau:

| Điểm thi | [2; 3) | [3; 4) | [4; 5) | [5; 6) | [6; 7) | [7; 8) | [8; 9) | [9; 10] |
|-------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Số học sinh | 2 | 7 | 8 | 3 | 10 | 5 | 3 | 2 |

a) Khoảng biến thiên của mẫu số liệu trên là $R = 8$.

b) Điểm trung bình của mẫu số liệu trên là $\bar{x} \approx 7,5$.

c) Nhóm chứa tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu trên là $[6; 7)$.

d) Biết rằng điểm kiểm tra giữa kì I môn Toán của lớp 12B có phương sai là 2,32, do đó lớp 12B học đều hơn lớp 12A.

PHẦN III. (3.0 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho hàm số $f(x)$, bảng xét dấu của $f'(x)$ như sau:

| | | | | | | |
|---------|-----------|------|-----|-----|-----------|-----|
| x | $-\infty$ | -2 | 0 | 2 | $+\infty$ | |
| $f'(x)$ | | $+$ | 0 | $-$ | 0 | $+$ |

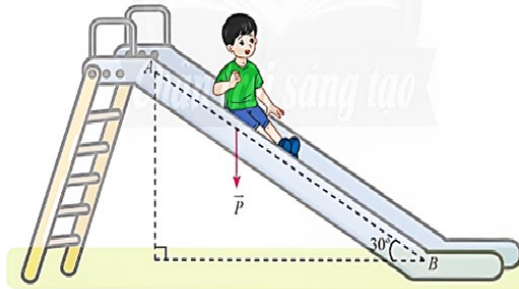
Số điểm cực trị của hàm số trên là bao nhiêu ?

Câu 2. Người ta muốn làm một chiếc hộp hình hộp chữ nhật có đáy hình vuông và thể tích là $20l$.

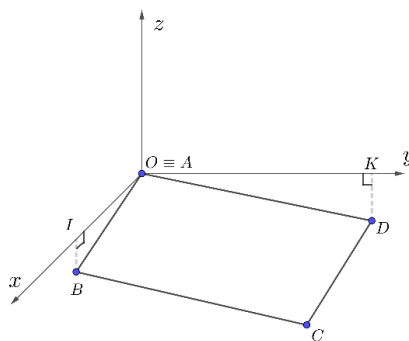
Diện tích toàn phần nhỏ nhất của hộp là bao nhiêu? (đơn vị là dm^2 và làm tròn kết quả đến hàng phần mười)

Câu 3. Một em bé cân nặng $m = 30$ kg trượt trên cầu thang trượt dài 3 mét. Biết rằng, cầu trượt có góc nghiêng so với phương nằm ngang là 30° và vectơ gia tốc rơi tự do \vec{g} được lấy độ lớn là $g = 9,8$ m/s². Công $A(J)$ sinh bởi một lực \vec{F} có độ dịch chuyển \vec{d} được tính bởi công thức $A = \vec{F} \cdot \vec{d}$.

Hãy tính công (đơn vị J) sinh bởi trọng lực \vec{P} khi em bé trượt hết chiều dài cầu trượt.



Câu 4. Một mái nhà kho hình bình hành $ABCD$ có độ dài các cạnh lần lượt là $AB = 221$ (cm) và $AD = 313$ (cm). Để tiện việc thoát nước khi trời mưa nên mái nhà kho cần phải có độ nghiêng. Biết rằng vị trí điểm B thấp hơn vị trí điểm A với khoảng cách $BI = 21$ (cm). Vị trí điểm D thấp hơn vị trí điểm A với khoảng cách $DK = 25$ (cm). Chọn hệ trục tọa độ $Oxyz$ sao cho $A \equiv O$, $BI \perp (Oxy)$ tại I thuộc tia Ox , $DK \perp (Oxy)$ tại K thuộc tia Oy (tham khảo hình vẽ). Xác định xem vị trí điểm C thấp hơn vị trí điểm A bao nhiêu (cm)?



Câu 5: Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$ cho hai điểm $A(4; -2; 4)$, $B(-2; 1; 4)$. Biết tọa độ

điểm $M(a; b; c)$ thỏa mãn đẳng thức $\vec{AM} = 2\vec{MB}$. Tính $a + b + c$.

Câu 6: Bạn Hoa rất thích nhảy hiện đại. Thời gian tập nhảy mỗi ngày trong thời gian gần đây của bạn Hoa được thống kê lại ở bảng sau:

| | | | | | |
|------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Thời gian (phút) | [20; 25) | [25; 30) | [30; 35) | [35; 40) | [40; 45) |
| Số ngày | 6 | 6 | 4 | 1 | 1 |

Tìm khoảng biến thiên của mẫu số liệu ghép nhóm trên ?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN TOÁN – Khối lớp 12
(BỘ ĐỀ 1)

PHẦN I. (3.0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

(mỗi câu đúng 0.25 điểm)

| Câu | 211 | 213 | 215 | 217 | 212 | 214 | 216 | 218 |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 1 | A | D | C | D | A | D | C | B |
| 2 | A | A | D | D | C | C | D | D |
| 3 | D | D | D | C | D | A | C | A |
| 4 | C | C | A | C | C | A | A | D |
| 5 | D | B | A | D | A | B | C | A |
| 6 | C | D | D | A | A | C | B | B |
| 7 | A | A | B | B | B | C | D | B |
| 8 | B | B | C | B | B | A | D | D |
| 9 | B | A | C | C | C | B | A | C |
| 10 | C | C | A | A | A | B | B | A |
| 11 | D | C | B | B | B | D | B | C |
| 12 | B | B | B | A | C | D | C | C |

PHẦN II. (4.0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

(Trong mỗi câu : đúng 1 ý 0.1 điểm, 2 ý 0.25 điểm, 3 ý 0.5 điểm, 4 ý 1.0 điểm)

Đề 211, 213, 215, 217

| Câu | |
|-----|------|
| 1 | SDSD |
| 2 | SSDD |
| 3 | SDSD |
| 4 | DDSS |

Đề 212, 214, 216, 218

| Câu | |
|-----|------|
| 1 | DSDS |
| 2 | SDDS |
| 3 | SSDS |
| 4 | DSDD |

PHẦN III. (3.0 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

(mỗi câu 0.5 điểm)

Đề 211, 213, 215, 217

| Câu | Đáp số |
|-----|--------|
| 1 | 2 |
| 2 | 27,8 |
| 3 | 392 |
| 4 | 46 |
| 5 | 3 |

| | |
|----------|----|
| 6 | 25 |
|----------|----|

Đề 212, 214, 216, 218

| Câu | Đáp số |
|------------|---------------|
| 1 | 2 |
| 2 | 44,2 |
| 3 | 441 |
| 4 | 46 |
| 5 | 4 |
| 6 | 25 |

----- *Hết* -----

Xem thêm: ĐỀ THI HK1 TOÁN 12
<https://toanmath.com/de-thi-hk1-toan-12>